

Số: 136/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 158/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt

Căn cứ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 360/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 158/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3

“2. Đối với hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, thuê gia công bán hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh khác để xuất khẩu ra nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 360/2025/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân phải có hồ sơ như sau:

a) Hợp đồng mua bán hàng hóa để xuất khẩu hoặc hợp đồng ủy thác xuất khẩu.

b) Hóa đơn bán hàng, giao hàng ủy thác xuất khẩu.

c) Trường hợp hợp đồng mua bán hàng hóa để xuất khẩu, hợp đồng ủy thác xuất khẩu đã thanh lý toàn bộ hoặc từng phần thì phải có Biên bản thanh lý

(thanh lý toàn bộ hoặc từng phần) thể hiện các nội dung sau: Tên, số lượng, chủng loại, mặt hàng, giá bán của hàng hóa đã thực tế xuất khẩu; hình thức thanh toán; số tiền và số, ngày của chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của người mua nước ngoài cho tổ chức, cá nhân xuất khẩu và giữa tổ chức, cá nhân sản xuất với tổ chức, cá nhân xuất khẩu hoặc tổ chức, cá nhân nhận ủy thác xuất khẩu; số, ngày của hợp đồng xuất khẩu; số, ngày của tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu. Thời điểm có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt được xác định theo hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng (nếu có) và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt được xác định theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Đối với hàng hóa tổ chức, cá nhân xuất khẩu mua, được ủy thác xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước, tổ chức, cá nhân có hàng hóa xuất khẩu phải kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hóa này khi tiêu thụ (bán) trong nước.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 09 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kinh doanh phản ánh về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thuế, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (06 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn